

Mường Thanh, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CÔNG KHAI

Các hoạt động giáo dục được quy định tại Chương II Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 20/6/2024 (tính đến tháng 6 năm 2025)

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện văn bản số: 942/PGDĐT-TCCB, ngày 20/6/2024 của PGDĐT V/v thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, ngày 03/06/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ công khai các hoạt động giáo dục được quy định tại chương II của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT tính đến tháng 6 năm 2025, cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 10, phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0917373136

Địa chỉ trang thông tin điện tử: thhndbp.pgdtphdienbienphu.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

4.1. Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Giá trị cốt lõi của nhà trường: Đoàn kết - Trách nhiệm; Trung thực - Sáng tạo; Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ; Công bằng - Khách quan; Tập trung vào kết quả và con người.

4.4. Giá trị văn hóa của nhà trường: Phát huy truyền thống; Tự trọng, tự hào, tự tin, khát vọng vươn lên; Khả năng thích ứng; Khả năng đổi mới và hội nhập.

4.5. Mục tiêu: Xây dựng trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ theo mô hình “*trường học hạnh phúc*” với các tiêu chí “Yêu thương, an toàn, tôn trọng”

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngày 21 tháng 11 năm 1994, trường được đổi tên từ trường PTCS thị trấn huyện Điện Biên thành trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ theo Quyết định số 583/QĐ-UB-TC của UBND tỉnh Lai Châu. Hiện nay, trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ, đặt tại tổ dân phố 10, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên.

Trải qua 31 năm xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ với sự quan tâm, chăm lo đầy trách nhiệm của Đảng bộ và nhân dân, cấp uỷ, chính quyền địa phương, hội cha mẹ HS, con em địa phương, đặc biệt là sự cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn vươn lên trong quản lý, giảng dạy và học tập của đội ngũ CBQL, GV, NV và các thế hệ HS đã từng bước có sự phát triển cả về quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục, ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong sự nghiệp GD và đào tạo chung của các trường trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ và của tỉnh Điện Biên. Tính đến thời điểm hiện tại, nhà trường có khuôn viên đẹp, với tổng diện tích rộng 8323,2m² được cấp có thẩm quyền cấp phép sử dụng đất lâu dài, với 30 phòng học kiên cố, có đủ các phòng chức năng, khu hiệu bộ, có đầy đủ khu sân chơi bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động. Các phòng học, phòng bộ môn, các phòng chức năng, trang thiết bị dạy học đáp ứng khá tốt điều kiện giảng dạy và học tập cho GV và HS.

Nhà trường có 53 CB, GV, NV (trong đó 02 CBQL, 45 GV, 06 NV). Có 51/53 CBQL, GV, NV có trình độ đào tạo đạt chuẩn (còn 02 đ/c nhân viên bảo vệ chưa qua đào tạo); có 45 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường, 16 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp TP, 04 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp tỉnh.

Tổng số 1147 HS, chất lượng giáo dục ngày một tăng. Tỷ lệ HS Hoàn thành xuất sắc nội dung học tập và rèn luyện đạt trên 40%; Hoàn thành tốt trên 35%; học sinh chuyển lớp các năm đạt 99,98% trở lên. Tỷ lệ học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm đều đạt 100%.

Trong từng năm học, nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, quan tâm chú trọng các hoạt động chuyên môn như: Tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức hội giảng, thi giáo viên giỏi cấp trường và dự thi các cấp; dự giờ, thăm lớp; thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học. Cuối mỗi năm học, CBQL, GV, NV đều tham gia viết sáng kiến về các hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ.

Phát huy truyền thống và kết quả đã đạt được, trong nhiều năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên Phủ, sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ và lãnh đạo nhà trường, sự nỗ lực của đội ngũ

CBGVNV và HS; Trường TH Hà Nội - Điện Biên Phủ đã đạt được nhiều kết quả cao trong các hoạt động và phong trào thi đua của ngành. Nhiều năm qua nhà trường liên tục được UBND tỉnh công nhận Tập thể LĐXS; UBND tỉnh tặng Bằng khen và Cờ thi đua xuất sắc, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Công đoàn nhiều năm liền được LĐLĐ thành phố tặng Giấy khen, LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen. Chi bộ nhà trường liên tục là chi bộ “Trong sạch vững mạnh” được Đảng ủy phường Mường Thanh tặng Giấy khen nhiều năm liền. Nhà trường vinh dự được 5 đ/c cán bộ, giáo viên được công nhận “Nhà giáo Ưu tú” và nhiều cá nhân được UBND thành phố, UBND tỉnh và LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen. Năm học 2024-2025 nhà trường vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Công đoàn được LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen.

Đặc biệt với mục tiêu đổi mới toàn diện, đáp ứng yêu cầu sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, thầy và trò trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ đã không ngừng lao động sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, xây dựng nhà trường là một điểm sáng về công tác giáo dục để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 29-NQ/TW của trung ương về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Lê Thị Nga. Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 10, phường Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Điện thoại: 0917373136

Địa chỉ trang thông tin điện tử: lethinga.dienbien@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ được thành lập theo quyết định số: 579/QĐ-UBTC, ngày 29/5/1996 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên).

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Hội đồng trường Trường Tiểu học Hà Nội –Điện Biên Phủ được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2023 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học Hà Nội –Điện Biên Phủ, thành phố Điện Biên Phủ nhiệm kì 2023 - 2028. Hội đồng trường gồm có 11 thành viên, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú (Đại diện tổ chức)	Nhiệm vụ
1	Lê Thị Nga	BT CB - HT	Đảng	CT Hội đồng trường
2	Nguyễn Thị Mỹ Hương	P. HT	Ủy viên	P.CT HĐT

3	Vi Thị Thảo	GV	Bí thư Đoàn TN	thành viên
4	Trương Minh Ngọc	GV	CĐV	Thư kí
5	Nguyễn Thanh Bình	GV	PCTCĐ	thành viên
6	Trần Thị Ngọc Hồi	GV	TT khối 1	thành viên
7	Nguyễn Thị Kim Anh	GV	TT khối 5	thành viên
8	Lê Thị Tuyên	Nhân viên		thành viên
9	Nguyễn Văn Quý	P. CT UBND phường Mường Thanh (cũ)	Đại diện Chính quyền địa phương	thành viên
10	Trần Thị Tươi	Hội trưởng HCMHS	BĐD CMHS	thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ là trường hạng I, có Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng, thiếu 01 Phó hiệu trưởng theo cơ cấu cán bộ quản lý theo quy định tại Điều lệ Trường Tiểu học và thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT, thông tư hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Hiệu trưởng: Lê Thị Nga được điều động và bổ nhiệm theo quy định tại QĐ số 5003/QĐ-UBND, ngày 27/12/2021 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Mỹ Hương được bổ nhiệm theo quy định tại QĐ Số 1675/QĐ-UBND, ngày 28/07/2022 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:

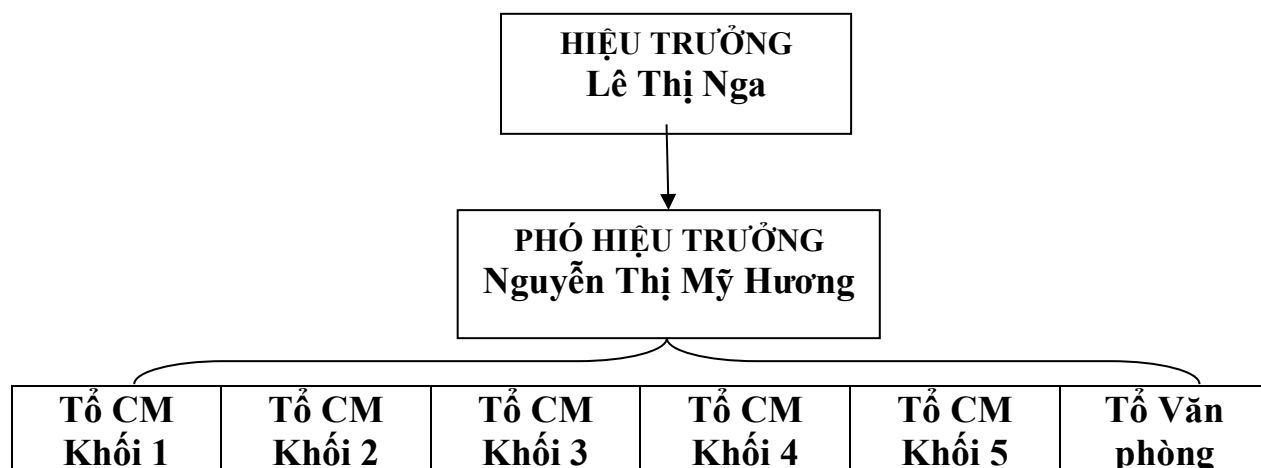
* Ban giám hiệu:

- Hiệu trưởng: Lê Thị Nga

- Hiệu phó : Nguyễn Thị Mỹ Hương

* Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng:

Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



Trần Thị Ngọc Hồi	Phạm Thị Tâm	Trần Thị Định	Nguyễn Thị Nga	Phạm Thị Như Thủy	Phạm T. Phương Dung
Nguyễn Hoài Giang	Tòng Thị Sôm	Ng. Thị Minh Huệ	Phan T.Thu Hằng	Vũ Thị Tuyết	Nguyễn Thị Ngọc
Cao Thị Dung	Lê Thị Thanh Huế	Vũ Hương Giang	Hoàng Tiểu Oanh	Nguyễn T Thanh Huyền	Đỗ Thị Huế
Nguyễn T. B.Minh	Lê Thị Hồng	Đoàn Thị Chi	Phạm T. Thu Hương	Đặng Thu Hằng	Nguyễn Mạnh Huỳnh
Lưu Thị Tuyết	Nguyễn Thị Vân	Lê Thị Xuân	Phạm T Ngọc Quỳnh	Nguyễn Thị Kim Anh	Đoàn Văn Hải
Đặng Thị Lựa	Trần Thị Hạnh	Nguyễn Thanh Bình	Lương Hồng Yên	Lê Lệ Hằng	
Nguyễn Thị Lành	Tạ Thị Lan	Trương Minh Ngọc	Nguyễn Thị Ca	Bùi Thị Thu Hằng	
Nguyễn Thị Huyền	Nguyễn Quỳnh Giang	Hoàng Thị Hồng Hạnh	Phạm Tuấn Tài	Vì Thị Thảo	
Nguyễn Thị Bình	Khuông Thị Hệ	Lê Thu Hà		Nguyễn Trung Dũng	
Lò Văn Thanh		Lê Thị Tuyên			

e) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo của cơ sở giáo dục:

- Họ và tên: Lê Thị Nga. Chức vụ: Hiệu trưởng

Điện thoại: 0917373136

Địa chỉ trang thông tin điện tử: lethinga.dienbien@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 10, phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định; Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường; Chủ tài khoản; Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường quyết định khen thưởng, kỷ luật; Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần (Môn Đạo đức lớp 1a4, 2a6); Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã

hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng; Chủ trì soạn thảo các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường. Chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học; Trực tiếp tiếp công dân.

- Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ Hương. Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Điện thoại: 0948723989

Địa chỉ trang thông tin điện tử: huongtuan@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 10, phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Nhiệm vụ, trách nhiệm: Phụ trách chuyên môn chung, phụ trách chuyên môn khối 1,2,3,4,5; Phụ trách bán trú, công đoàn, Đoàn, Công tác Đội; Phụ trách về phong trào và các cuộc thi của CBGVNV, HS; Phụ trách lao động, vệ sinh, CSVN, thư viện thiết bị, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn trường học, phổ cập, thống kê, công nghệ thông tin, trang Website của nhà trường; công tác khuyến học, chữ thập đỏ; Chịu trách nhiệm về hồ sơ và công tác kiểm tra nội bộ trường học tổ 1,2,3,4,5; Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp khối 1,2,3,4,5. Tổ chức kiểm tra xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường; Duyệt tin bài của các tổ. Quản lý và đăng nội dung tin trên Facebook nhà trường sau khi được hiệu trưởng duyệt; Chịu trách nhiệm về công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá ngoài, hồ sơ thi đua của nhà trường; Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công; Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền; Kí duyệt các báo cáo, kí duyệt hồ sơ kế hoạch tổ trưởng chuyên môn, của giáo viên khi kiểm tra trong phạm vi khối do mình trực tiếp phụ trách; Tham mưu và báo cáo cho hiệu trưởng về các nội dung được phân công; Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; Tham gia giảng dạy 4 tiết/ tuần (Âm nhạc lớp 1a1,1a2,1a3,1a4);

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển giáo dục; quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường,...

II. THU, CHI TÀI CHÍNH (tính đến tháng 6 năm 2025)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Năm báo cáo	Năm liền kề trước năm báo cáo
I	Tổng số thu	8.908.217.168	15.694.007.639
1	Nguồn ngân sách cấp	8.188.396.368	14.484.869.639
1.1	Nguồn chi thường xuyên	6.977.184.908	12.657.169.000
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1.211.211.460	1.827.700.639

	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	1.191.723.460	1.234.101.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	19.488.000	27.036.000
	- Truy lĩnh lương chức danh nghề nghiệp (tính giảm biên chế)		264.563.639
2	Nguồn thu khác	719.820.800	1.209.138.000
	dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	102.690.000	168.690.000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	152.470.800	589.558.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tôn tạo cảnh quan môi trường	464.660.000	450.890.000
II	Tổng số chi	8.908.217.168	15.694.007.639
1.1	Nguồn chi thường xuyên	6.977.184.908	12.657.169.000
	Tiền lương và các khoản theo lương	6.559.125.859	11.941.473.638
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	418.059.049	715.695.362
	Chi hoạt động giáo dục		
1.2	Nguồn chi không thường xuyên	1.211.211.460	1.827.700.639
	Trong đó: - Mua sắm trang thiết bị dạy và học	1.191.723.460	1.234.101.000
	- Hỗ trợ chi phí học tập	19.488.000	27.036.000
	- Truy lĩnh lương chức danh nghề nghiệp (tính giảm biên chế)		264.563.639
1.3	Nguồn chi khác	719.820.800	1.209.138.000
	Nước uống + dọn vệ sinh công cộng cho học sinh (Thỏa thuận)	102.690.000	168.690.000
	Tiếng Anh tự chọn cho học sinh Lớp 1,2	152.470.800	589.558.000
	Hỗ trợ các hoạt động giáo dục; tôn tạo cảnh quan môi trường	464.660.000	450.890.000

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng người làm việc đang thực hiện	Trình độ đào tạo			Nghề nghiệp			BDTX	
			ThS	ĐH	CD	Tốt	Khá	CD	HT	CHT
I	Vị trí việc làm lãnh đạo,	2		2		2			2	

	quản lý									
1	Hiệu trưởng	1		1		1			1	
2	Phó Hiệu trưởng	1		1		1			1	
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	45		44	1	44	1		45	
1	Giáo viên tiểu học hạng II	29		29		28	1		29	
2	Giáo viên tiểu học hạng III	16		15	1	16			16	
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	2		2						
1	Thư viện	1		1						
2	Quản trị công sở	0								
3	Văn thư	0								
4	Thủ quỹ	0								
5	Kế toán	1		1						
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	4		2						
1	Y tế học đường	1		1						
2	Nhân viên Bảo vệ	2								
3	Nhân viên Phục vụ	1		1						

	Cộng (I+II=III+IV)	53		51	2	46	1	0	47	
--	-------------------------------	-----------	--	-----------	----------	-----------	----------	----------	-----------	--

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	30/30	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	30	1,3m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	8323,2	7,3m ² / HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1500	1,3 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng	2918,8	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1440	1,3m ² /HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	84,5	0,073m ² /HS
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>	646	0,5m ² /HS
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>	146	0,13m ² /HS
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>	146	0,13m ² /HS
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>	146	0,13m ² /HS
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>	23	0,02m ² /HS
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>	23	0,02m ² /HS
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>	118,3	0,10 m ² /HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	30/30	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	30	
1.1	Khối lớp 1	6	1 bộ /lớp
1.2	Khối lớp 2	6	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	6	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	6	1 bộ / lớp

1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ / lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	107	0,09 HS/1bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi thông minh	20	0,7 ti vi /1 lớp
2	Cát xét	12	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu projector	25	0,8 máy /1 lớp
5	Máy phô tô	3	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính xách tay	12	
8	Máy chiếu vật thể	38	1,3 máy /1 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	71,9 m ²
XI	Nhà ăn	258,7m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	...m ²
XIII	Khu nội trú	0	0	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		20		0,24 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Danh mục sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục tham khảo lựa chọn**

Danh mục Sách giáo khoa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh, lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh, lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh, lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh. Cụ thể:

Sách giáo khoa Chương trình GDPT 2018				
Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tiếng Việt 1 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 3 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)	Tiếng Việt 2 (tập 1,2)
Toán 1	Toán 2	Toán 3	Toán 4	Toán 5
Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	Tiếng Anh 5
		Tin học 3	Tin học 4	Tin học 5
		Công nghệ 3	Công nghệ 4	Công nghệ 5
			Lịch sử và Địa lý 4	Lịch sử và Địa lý 5
TNXH 1	TNXH 2	TNXH 3	Khoa học 4	Khoa học 5
Đạo đức 1	Đạo đức 2	Đạo đức 3	Đạo đức 4	Đạo đức 5
Âm nhạc 1	Âm nhạc 2	Âm nhạc 3	Âm nhạc 4	Âm nhạc 5
Mĩ thuật 1	Mĩ thuật 2	Mĩ thuật 3	Mĩ thuật 4	Mĩ thuật 5

Giáo dục thể chất 1	Giáo dục thể chất 2	Giáo dục thể chất 3	Giáo dục thể chất 4	Giáo dục thể chất 5
Hoạt động trải nghiệm 1	Hoạt động trải nghiệm 2	Hoạt động trải nghiệm 3	Hoạt động trải nghiệm 4	Hoạt động trải nghiệm 5
Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 2	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 3	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 4	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở:

Mức 1: 24/24 (100%) Tiêu chí đạt Mức 1;

Mức 2: 22/22 (100%) Tiêu chí đạt Mức 2;

Mức 3: 16/16 (100%) Tiêu chí đạt Mức 3.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: 4/7 Tiêu chí đạt mức 4 (tỷ lệ 57,1%).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục:

Nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 và Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3.

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a) Kế hoạch tuyển sinh, Năm học: 2025-2026

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Đối tượng tuyển sinh:

Tuyển tất cả trẻ em 6 tuổi sinh năm 2019 và số trẻ sinh năm 2018, 2017, 2016,... chưa ra học lớp 1, kể cả trẻ khuyết tật trên địa bàn phường Mường Thanh (nếu có); học sinh 6 tuổi các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh khác có nhu cầu học tại trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ.

Hồ sơ tuyển sinh

Đơn xin học (theo mẫu nhà trường).

Bản sao giấy khai sinh hợp lệ (kèm theo bản chính để đối chiếu).

Bản chính hoặc bản sao các giấy tờ xác nhận có liên quan đến chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có).

Chỉ tiêu tuyển sinh

Số lớp: 06 lớp

Số học sinh: 206 học sinh

Thời gian, địa điểm tuyển sinh:

- Thời gian: Từ ngày 02/6/2025 đến hết ngày 13/6/2025 (nhận hồ sơ trong giờ hành chính; trừ thứ bảy, chủ nhật)

- Địa điểm: Phòng họp (tầng 2)
- Số điện thoại liên hệ: 0948723989 – Cô giáo Nguyễn Thị Mỹ Hương (Phó HT)

- Thông báo kết quả tuyển sinh: Ngày 01/8/2025

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường (Công khai tháng 9/2024)

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh (Trích nội dung quy chế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đối tượng thực hiện; trách nhiệm, quyền hạn của nhà trường, gia đình, xã hội; nội dung phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh; quy định chế độ khen thưởng, xử lý vi phạm.

2. Quy chế được áp dụng trong trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ; các cấp quản lý giáo dục; các gia đình có người học; xã hội bao gồm: các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn Phường Him Lam theo quy định của pháp luật hiện hành (gọi chung là lực lượng xã hội).

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Đảm bảo sự thống nhất về quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giáo dục.

2. Tổ chức các hoạt động phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong công tác giáo dục học sinh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi bên theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Bảo đảm tính kỷ luật, kỷ cương và hiệu quả trong các hoạt động phối hợp; nâng cao trách nhiệm của mỗi bên tham gia.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh, phòng chống dịch bệnh).

2. Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

3. Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

4. Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

5. Phối hợp trong tuyên truyền giáo dục, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh.

Điều 4. Chủ thể đại diện

Đại diện nhà trường là Hiệu trưởng; đại diện gia đình học sinh là cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp hoặc người được cha, mẹ, người giám hộ hợp pháp ủy quyền; đại diện cấp ủy chính quyền địa phương là lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đại diện xã hội là các đoàn thể chính trị - xã hội do Mặt trận Tổ quốc làm đại diện.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH, XÃ HỘI

Điều 5. Trách nhiệm của nhà trường

1. Quản lý, tổ chức giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục theo mục tiêu chương trình giáo dục, thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khoá nhằm hình thành và rèn cho học sinh kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, nếp sống, ý thức tổ chức kỷ luật phát triển phẩm chất và năng lực.

2. Quản lý, giáo dục và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong thời gian học tập ở trường, tham gia hoạt động ngoại khoá trong và ngoài nhà trường.

3. Nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, giáo viên đặc biệt là vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong việc phối hợp với giáo viên bộ môn thực hiện đánh giá chính xác, công bằng, công khai năng lực, phẩm chất, học tập của học sinh; thường xuyên trao đổi với gia đình học sinh theo đúng quy định.

4. Nâng cao vai trò, trách nhiệm và vị trí của tổ chức đoàn, đội trong việc xây dựng nề nếp tự quản, giáo dục lý tưởng hoài bão ước mơ cho học sinh; phối hợp chặt chẽ với giáo viên chủ nhiệm, Tổng phụ trách Đội, Đoàn thanh niên để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

5. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh; xây dựng nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, cảnh quan xanh, sạch, đẹp; giáo dục học sinh có ý thức xây dựng và bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn thương tích, thiên tai, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và các tệ nạn xã hội.

7. Huy động lực lượng giáo viên và học sinh cùng với địa phương triển khai công tác phổ cập giáo dục, chủ động cùng chính quyền và gia đình tạo điều kiện cho trẻ được hưởng quyền học tập theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý chặt chẽ học sinh, thường xuyên liên hệ chặt chẽ với gia đình học sinh, nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tinh thần thái độ học tập của học sinh ở

nhà để có biện pháp phối hợp giáo dục; phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, trao đổi thông tin, hỗ trợ cha mẹ học sinh về kiến thức, phương pháp giáo dục con em. Định kỳ họp với cha mẹ học sinh thông tin đầy đủ quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp phù hợp trong phối hợp giáo dục học sinh.

9. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, đoàn thể xây dựng môi trường giáo dục thống nhất nhằm, thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

10. Phối hợp với các cơ quan, các ban, ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật, trật tự ATGT, nếp sống văn hoá, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, giáo dục về sức khỏe sinh sản vị thành niên, an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường cho học sinh; tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, giới thiệu truyền thống và các thành tựu kinh tế-xã hội thành phố, phường và nơi trường đặt địa điểm; tạo điều kiện cho học sinh tham gia vào các phong trào, hoạt động văn hoá- xã hội-khoa học-kỹ thuật tại địa phương.

11. Báo cáo kịp thời với UBND phường; với phòng GD&ĐT thành phố, về tổ chức thực hiện Quy chế ở đơn vị mình.

Điều 6. Quyền hạn của nhà trường

1. Thực hiện các quyền hạn theo quy định của Điều lệ nhà trường và quy định của pháp luật.

2. Tham mưu với UBND phường tạo điều kiện đầu tư về cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy và học của nhà trường theo mục tiêu giáo dục toàn diện và quy định xây dựng cơ sở vật chất trường chuẩn quốc gia, tham mưu hoàn thành công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn.

3. Kiến nghị chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng đảm bảo điều kiện về an ninh trật tự khu vực trường học và cơ sở giáo dục, không để các tiêu cực, tệ nạn xã hội tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

4. Phối hợp cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh vận động cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội khác tham gia đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường học theo pháp luật hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm của gia đình

1. Nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc, tạo điều kiện cho con em được học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động của nhà trường; không để con em bỏ học, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của trẻ em theo Công ước quốc tế, Luật giáo dục, Luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em và các văn bản có liên quan.

2. Xây dựng gia đình văn hoá, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ của con em; người lớn tuổi có trách nhiệm giáo dục, gương mẫu cho con em mình học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho

con em học tập tại nhà, cùng nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Quản lý, giám sát lịch trình học tập, vui chơi giải trí, sinh hoạt của con em mình tại nhà. Nắm vững diễn biến tư tưởng, đạo đức, học lực của con em, chủ động thông báo cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm những vấn đề không bình thường của con em mình và những học sinh khác để thống nhất biện pháp phối hợp giáo dục.

4. Chủ động, tích cực phối hợp cùng nhà trường và các tổ chức đoàn thể giáo dục con em; phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của con em mình gây ra theo quy định của pháp luật. Có trách nhiệm cùng nhà trường giáo dục con em mình thực hiện an toàn giao thông, an ninh trật tự phòng chống tệ nạn xã hội.

5. Tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban giám hiệu nhà trường hoặc giáo viên chủ nhiệm tổ chức, đóng góp đầy đủ các khoản theo quy định của Nhà nước. Đồng thời tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục và hưởng ứng các hoạt động của Hội khuyến học.

Điều 8. Quyền của gia đình

1. Cha mẹ học sinh có các quyền quy định tại Điều 95 của Luật Giáo dục và trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

2. Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về nội dung, chương trình phối hợp và phương pháp giáo dục học sinh của trường.

3. Yêu cầu nhà trường thường xuyên thông báo kết quả học tập và rèn luyện của con em mình; tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường; yêu cầu nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục giải quyết theo pháp luật những vấn đề có liên quan đến việc giáo dục con em.

4. Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền xử lý những vi phạm của cá nhân hoặc tổ chức về quyền của trẻ em được pháp luật Nhà nước Việt Nam quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của xã hội

1. Quan tâm chỉ đạo và tham gia quản lý sự nghiệp giáo dục, theo chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Tuyên truyền để mọi tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân, mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia công tác xã hội hóa giáo dục.

3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, theo khả năng giúp nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục và nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho nhà giáo và người học tham quan, thực tập nghiên cứu khoa học góp phần xây dựng phong trào học tập, rèn luyện của học sinh.

4. Các lực lượng xã hội tham gia xây dựng nếp sống văn hoá cơ sở và cộng đồng dân cư, tạo môi trường lành mạnh, an toàn, ngăn chặn những tác động có ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

5. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để người học được vui chơi, giải trí, hoạt động thể dục, thể thao lành mạnh, sau các giờ học văn hoá.

6. Đầu tư về tài chính, nhân lực, vật lực cho sự phát triển giáo dục. Sẵn sàng đáp ứng khi nhà trường có những yêu cầu đề nghị về sự hỗ trợ, giúp đỡ trong công tác giảng dạy, giáo dục học sinh; chủ động xây dựng các quỹ khuyến học, khuyến tài, quỹ tài năng trẻ để khen thưởng động viên kịp thời học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện.

Điều 10. Quyền hạn của xã hội

1. Yêu cầu nhà trường trên địa bàn thông báo định kì, hoặc đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của đơn vị.

2. Yêu cầu nhà trường trên địa bàn phối hợp để triển khai, thực hiện những chủ trương, nhiệm vụ có nội dung liên quan tới giáo dục cho học sinh.

Điều 11. Ban đại diện cha mẹ học sinh ở nhà trường căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, chủ động phối hợp chặt chẽ với nhà trường và các tổ chức xã hội tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Mường Thanh và các tổ chức thành viên động viên nhân dân trong phường mình chăm lo sự nghiệp giáo dục; vận động gia đình thực hiện tốt Quy chế này; đưa ra những kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước hữu quan để làm tốt công tác giáo dục học sinh. Mặt trận Tổ quốc phường trình cấp ủy, phối hợp với chính quyền cùng cấp chỉ đạo việc xây dựng cam kết giữa Mặt trận Tổ quốc với Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 13. Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học, Hội cựu giáo chức phường căn cứ vào Điều lệ của Hội, phổ biến, triển khai nội dung Quy chế này tới các thành viên, tham gia chỉ đạo thực hiện Quy chế.

Điều 14. Kiến nghị với UBND Phường Mường Thanh trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung:

1. Xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này tại địa phương; chỉ đạo cơ quan chức năng tăng cường công tác quản lí Nhà nước đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hóa nhất là cơ sở kinh doanh Karaokê, Internet, trò chơi điện tử nói chung và các cơ sở kinh doanh khác ở gần nhà trường. Không để các cơ sở này chứa chấp, cầm đồ của học sinh, lôi kéo học sinh vào các tệ nạn xã hội.

2. Định kì, đột xuất kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; việc chấp hành các Chỉ thị, Nghị quyết, quy định của Đảng, Nhà nước về trật tự an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; xây dựng nếp sống văn minh, đơn vị cơ quan, xã, đạt tiêu chuẩn văn hóa.

Điều 15. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, trạm y tế phường Him Lam trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình phổ biến, quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức, thành viên trong đơn vị, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 16. Cơ quan chủ trì

1. Nhà trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các ban ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm:

a. Tham mưu cho UBND phường ban hành kế hoạch chỉ đạo thực hiện Quy chế này; cân đối ngân sách chi cho sự nghiệp GD&ĐT hàng năm hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động trong công tác phối hợp giáo dục học sinh (trong điều kiện), nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả tổ chức thực hiện Quy chế này.

b. Phối hợp các tổ chức đoàn thể liên quan xây dựng kế hoạch phối hợp, tổ chức củng cố, xây dựng Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; sơ kết, tổng kết định kỳ.

c. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc phường, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, y tế phường có liên quan xây dựng cụ thể nội dung phối hợp giáo dục; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện của mỗi bên.

2. UBND Phường Mường Thanh:

a. Thường xuyên quan tâm tạo điều kiện chỉ đạo nhà trường trên địa bàn thực hiện Quy chế này.

b. Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế ở nhà trường. Định kỳ, chủ trì tổ chức họp giao ban với công an địa phương và các cơ quan có liên quan để nắm tình hình và bàn biện pháp phối hợp quản lý, giáo dục học sinh.

c. Chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị-xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và đơn vị vũ trang nhân dân trên địa bàn, trạm y tế xây dựng cụ thể nội dung phối hợp giáo dục; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện của mỗi bên.

d. Chỉ đạo nhà trường chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh bổ sung, xây dựng quy chế cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Định kỳ các bên phối hợp tổ chức kiểm điểm việc thực hiện, hàng năm tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm.

Điều 17. Định kỳ 6 tháng, một năm UBND phường phối hợp cùng Mặt trận Tổ quốc tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nội dung cam kết phối hợp thực hiện Quy chế của các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh, báo cáo cơ quan chủ trì cấp trên. Phòng GD&ĐT tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

Điều 18. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội được nhà trường, chính quyền địa phương và các cơ quan quản lý giáo dục xem xét, khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 19. Xử lý vi phạm

Tập thể, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm trong chỉ đạo thực hiện Quy chế, ảnh hưởng tới sự nghiệp giáo dục, thiệt hại đến lợi ích của nhà trường, gia đình học sinh và gây hậu quả xã hội nghiêm trọng tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Trong quá trình thực hiện có những vấn đề vướng mắc phát sinh, Hiệu trưởng đơn vị, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức đoàn thể tập hợp ý kiến báo cáo về cơ quan chủ trì các cấp để giải quyết.

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh tại nhà trường

- Các Hoạt động trải nghiệm.
- Các buổi sinh hoạt tập thể.

đ) Thực đơn theo tuần

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

a) Kết quả tuyển sinh, số lớp, số học sinh

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	K.Tật	Mồ côi	Hộ nghèo	HS hưởng chế độ chính sách	HS BT
1	6	241	117	23		1				
2	6	238	124	20		1				
3	6	207	91	13		3				
4	6	238	104	29		0				
5	6	223	112	22		1				
Tổng	30	1147	548	107		6				

b) Kết quả đánh giá học sinh theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT

*** Kết quả các mặt Giáo dục* Khối 1, 2; 3; 4; 5.**

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
Tổng số học sinh		241		238		207		238		223		1147	
Học sinh KT		1		1		3		0		1		6	
HS được đánh giá		1		1		3		0		1		6	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	227	94,2	215	90,3	196	94,7	220	92,4	209	93,7	1067	93,0
	HT	12	5,0	23	9,7	11	5,3	18	7,6	14	6,3	78	6,8
	CHT	2	0,8									2	0,2
2. Toán	HTT	223	92,5	211	88,7	168	81,2	200	84,0	184	82,5	986	86,0
	HT	16	6,6	27	11,3	39	18,8	38	16,0	39	17,5	159	13,9
	CHT	2	0,8									2	0,2
3. Tiếng Anh ()	HTT	233	96,7	224	94,1	166	80,2	220	92,4	197	88,3	1040	90,7
	HT	7	2,9	14	5,9	41	19,8	18	7,6	26	11,7	106	9,2
	CHT	1	0,4									1	0,1
4. Tin học (668)	HTT					188	90,8	236	99,2	212	95,1	636	95,2
	HT					19	9,2	2	0,8	11	4,9	32	4,8
	CHT												
5. Công nghệ (668)	HTT					195	94,2	238	100,0	214	96,0	647	96,9
	HT					12	5,8			9	4,0	21	3,1
	CHT												
6. Đạo đức	HTT	237	98,3	218	91,6	186	89,9	222	93,3	209	93,7	1072	93,5
	HT	4	1,7	20	8,4	21	10,1	16	6,7	14	6,3	75	6,5
	CHT												
7. TN&XH (686)	HTT	235	97,5	212	89,1	174	84,1					621	54,1
	HT	6	2,5	26	10,9	33	15,9					65	5,7
	CHT												
8. Khoa học (461)	HTT							233	97,9	207	92,8	440	95,4
	HT							5	2,1	16	7,2	21	0,0
	CHT												
9. LS-ĐL (461)	HTT							234	98,3	210	94,2	444	96,3
	HT							4	1,7	13	5,8	17	3,7
	CHT												
10.		234	97,1	216	90,8	179	86,5	225	94,5	219	98,2	1073	232,

	Âm nhạc												8	
		6	2,5	22	9,2	28	13,5	13	5,5	4	1,8	73	15,8	
		1	0,4									1	0,2	
	11. Mĩ Thuật	228	94,6	216	90,8	185	89,4	228	95,8	218	97,8	1075	93,7	
		12	5,0	22	9,2	22	10,6	10	4,2	5	2,2	71	6,2	
		1	0,4									1	0,1	
12. GDTC		HTT	229	95,0	228	95,8	185	89,4	226	95,0	223	100,0	1091	95,1
		HT	11	4,6	10	4,2	22	10,6	12	5,0			55	4,8
		CHT	1	0,4									1	0,1
13. HĐTN		HTT	235	97,5	226	95,0	171	82,6	229	96,2	223	100,0	1084	94,5
		HT	5	2,1	12	5,0	36	17,4	9	3,8			62	5,4
		CHT	1	0,4									1	0,1

b) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		241		238		207		238		223		1147	
Học sinh KT		1		1		3		0		1		6	
HS được đánh giá		1		1		3		0		1		6	
- Năng lực chung	MĐĐ	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL%	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL%
1. Tự chủ và tự học	Tốt	229	95,0	230	96,6	178	86,0	221	92,9	214	96,0	1072	93,5
	Đạt	12	5,0	8	3,4	29	14,0	17	7,1	9	4,0	75	6,5
	CCG												
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	232	96,3	229	96,2	191	92,3	227	95,4	220	98,7	1099	95,8
	Đạt	9	3,7	9	3,8	16	7,7	11	4,6	3	1,3	48	4,2
	CCG												
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	231	95,9	224	94,1	176	85,0	225	94,5	215	96,4	1071	93,4
	Đạt	10	4,1	14	5,9	31	15,0	13	5,5	8	3,6	76	6,6
	CCG												
- Năng lực đặc thù													
1. Ngôn ngữ	Tốt	233	96,7	226	95,0	200	96,6	227	95,4	223	100,0	1109	96,7
	Đạt	7	2,9	12	5,0	7	3,4	11	4,6			37	3,2
	CCG	1	0,4									1	0,1
2. Tính toán	Tốt	231	95,9	226	95,0	177	85,5	210	88,2	213	95,5	1057	92,2

	Đạt	9	3,7	12	5,0	30	14,5	28	11,8	10	4,5	89	7,8
	CCG	1	0,4									1	0,1
3. Khoa học	Tốt	234	97,1	226	95,0	196	94,7	228	95,8	223	100,0	1107	96,5
	Đạt	6	2,5	12	5,0	11	5,3	10	4,2			39	3,4
	CCG	1	0,4									1	0,1
4. Thẩm mỹ	Tốt	233	96,7	227	95,4	196	94,7	228	95,8	223	100,0	1107	96,5
	Đạt	7	2,9	11	4,6	11	5,3	10	4,2			39	3,4
	CCG	1	0,4									1	0,1
5. Thể chất	Tốt	232	96,3	234	98,3	199	96,1	230	96,6	223	100,0	1118	97,5
	Đạt	8	3,3	4	1,7	8	3,9	8	3,4			28	2,4
	CCG	1	0,4									1	0,1
6. Tin học (668)	Tốt					199	96,1	231	97,1	223	100,0	653	56,9
	Đạt					8	3,9	7	2,9			15	1,3
	CCG												
7. Công nghệ (668)	Tốt					195	94,2	231	97,1	222	99,6	648	56,5
	Đạt					12	5,8	7	2,9	1	0,4	20	1,7
	CCG												

c) Những phẩm chất chủ yếu:

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
Tổng số HS		241		238		207		238		223		1147	
Phẩm chất	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Yêu nước	Tốt	238	98,8	238	100	205	99,0	238	100	223	100	1142	99,6
	Đạt	3	1,2			2	1,0					5	0,4
	CCG												
2. Nhân ái	Tốt	238	98,8	238	100	205	99,0	235	98,7	223	100	1139	99,3
	Đạt	3	1,2			2	1,0	3	1,3			8	0,7
	CCG												
3. Chăm chỉ	Tốt	236	97,9	235	98,7	195	94,2	234	98,3	223	100	1123	97,9
	Đạt	5	2,1	3	1,3	12	5,8	4	1,7			24	2,1
	CCG												
4. Trung thực	Tốt	238	98,8	236	99,2	204	98,6	238	100	223	100	1139	99,3

	Đạt	3	1,2	2	0,8	3	1,4					8	0,7
	CCG												
5. Trách nhiệm	Tốt	236	97,9	236	99,2	196	94,7	238	100	223	100	1129	98,4
	Đạt	5	2,1	2	0,8	11	5,3					18	1,6
	CCG												

e) Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS	HS được ĐG	HTXS		HTT		HT		CHT	
			TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL
1	241	241	157	65,1	61	38,9	21	8,7	2	0,8
2	238	238	109	45,8	90	82,6	39	16,4		0,0
3	207	207	68	32,9	91	133,8	48	23,2		0,0
4	238	238	86	36,1	105	122,1	47	19,7		0,0
5	223	223	117	52,5	57	48,7	49	22,0		0,0
Tổng	1147	1147	537	46,8	404	75,2	204	17,8	2	0,2

- Chuyên lớp (*Lên lớp thẳng*): 1145/1147 đạt 99,8%

- Hoàn thành chương trình tiểu học: 223/223 đạt 100%

- HS đạt thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện/ HS xuất sắc: 540/1147 em = 47,1 %.

- HS có thành tích trong học tập và rèn luyện/HS tiêu biểu trong học tập và rèn luyện: 407/1147 em = 34,5 %.

Kết quả các cuộc thi:

- Thi Toán trên Internet đạt giải:

+ Cấp trường: 698 em (Giải Nhất: 107, Nhì: 152, Ba: 235, KK: 204)

+ Cấp Tỉnh: 305 em (Giải Nhất: 11, Nhì: 24, Ba: 35, KK: 235)

+ Cấp Quốc gia: 37 em (Giải bạc: 01; Giải Đồng: 9, KK: 27)

- Thi TNTV trên Internet đạt giải:

+ Cấp trường: 713 em (Giải nhất: 204, nhì: 190, ba: 175, KK: 144);

+ Cấp thành phố (Hương): 378 em (Giải nhất: 39, nhì: 88, ba: 129, KK: 122)

+ Cấp Tỉnh - thi Hội: 202 em (Giải nhất: 25, nhì: 47, ba: 61, KK: 69)

- Thi Tiếng Anh trên Internet đạt giải:

+ Cấp trường: 248 em (Giải nhất: 9, nhì: 64, ba: 99, KK: 76)

+ Cấp thành phố: 114 em (Giải nhất: 13, nhì: 23, ba: 33, KK: 45)

+ Cấp Tỉnh: 97 em (Giải nhất: 18, nhì: 21, ba: 22, KK: 36)

+ Cấp quốc gia: 2 em (Giải Đồng: 2)

- Học sinh thi tiếng Anh được cấp tỉnh vinh danh: 121 em. Trong đó Nhất: 8 em; Nhì: 25 em; Ba: 15 em; KK: 73 em.

- Giao lưu viết chữ đẹp cấp trường khối 1, 2, 3: 200 em đạt giải (Giải nhất: 6, Nhì: 24, Ba: 61, KK: 109).
 - Giao lưu viết văn sáng tạo cấp trường khối 4, 5: 129 em đạt giải (Giải nhất: 4, Nhì: 16, Ba: 41, KK: 68)
 - Cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 400 bài.
- Học sinh toàn trường tham gia đầy đủ các cuộc thi vẽ tranh do ngành phát động: + Vẽ tranh ý tưởng trẻ thơ: 1089 bài.
- + Bác Hồ với thiếu nhi: 1032 bài.
- + Triển lãm tranh thiếu nhi toàn quốc: 688 bài.
- + Cuộc thi vẽ tranh chủ đề “Chú bộ đội của chúng em” cấp trường chào mừng ngày 22/12/2024: 1 200 bài.

*** Tham gia các hoạt động của ngành**

- Tham gia Lễ hội năm 2025: Đạt Giải Nhất trại đẹp; Giải Xuất sắc điều hành; Giải A văn nghệ. Được UBND TP Điện Biên Phủ tặng giấy khen.
- Tham gia Giải thi đấu thể thao học sinh phổ thông tỉnh Điện Biên lần thứ 2 năm 2025: Môn Cờ vua: 1 giải Nhì nữ
- Tham gia cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên cấp Thành phố năm 2025: 01 sản phẩm đạt giải Khuyến khích

Trên đây là báo cáo Các hoạt động giáo dục được quy định tại Chương II Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 20/6/2025 (tính đến tháng 6 năm 2025) của trường Tiểu học Hà Nội – Điện Biên Phủ./.

Nơi nhận:

- Trang website nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Nga